

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim San

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Thôn CK, xã HT, huyện TN, thành phố Hải Phòng;

- *Bị đơn:* Anh SIM KW, sinh năm 1985; hiện cư trú tại: 157 D-r, J-m, C-g, C-d, Hàn Quốc;

Chị Nguyễn Thị Thu H có mặt, anh SIM KW vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh SIM KW kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND huyện TN, thành phố Hải Phòng vào ngày 03/8/2018. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc trong một thời gian ngắn, chị Nguyễn Thị Thu H ở lại Việt Nam, anh SIM KW trở về Hàn Quốc sinh sống. Trong thời gian chờ bảo lãnh, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và bất đồng ngôn ngữ. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người sống

mỗi nơi nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh SIM KW.

- Về con chung và tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh SIM KW không có con chung và không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn và đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn là anh SIM KW đã được hợp pháp hóa lãnh sự, trình bày:

Anh SIM KW thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thu H về việc kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Anh xác nhận, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, anh chị sống mỗi người mỗi nơi nên anh đồng ý và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H. Do anh SIM KW ở Hàn Quốc không thể sang Việt Nam giải quyết việc ly hôn được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, không tiến hành hòa giải để giải quyết vụ án, anh đã ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thu H nhận thay tất cả văn bản tố tụng của Tòa án.

Về con chung và tài sản chung: Anh và chị H không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh SIM KW và chị Nguyễn Thị Thu H đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu H có mặt, anh SIM KW vắng mặt, chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của anh SIM KW.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thu H hiện đang cư trú tại thành phố Hải Phòng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh SIM KW hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là anh SIM KW vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh SIM KW kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND huyện TN vào ngày 03/8/2018 nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị H và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện do chị H và anh SIM KW tính cách không phù hợp, bất đồng về ngôn ngữ nên anh chị đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ gia đình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh SIM KW đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn với anh SIM KW và được anh SIM KW hoàn toàn đồng ý là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh SIM KW.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh SIM KW không có con chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh SIM KW không có tài sản chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[7] Chị Nguyễn Thị Thu H và anh SIM KW được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh SIM KW.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh SIM KW không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh SIM KW không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019150 ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, chị H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh SIM KW được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- **UBND huyện TN;**
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà